

Số:..../KH-THNT

Nam Tiến, ngày 30 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC **Năm học 2024 -2025**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học;
- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Công văn số 1558/SGDĐT-GDTH ngày 27/8/2024 của Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;
- Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Nam Định;
- Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;
- Công văn số 929/SGDĐT- GDTH ngày 31 tháng 5 năm 2024 Hướng dẫn thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục và sử dụng sách giáo khoa, tài liệu năm học 2024-2025 của cấp tiểu học Sở GDĐT tỉnh Nam Định;
- Thông báo số /TB-THNT ngày 25/07/2024 về Danh mục sách giáo khoa, tài liệu sử dụng trong năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Nam Tiến;
- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Nam Tiến.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024-2025

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

1.1. Thuận lợi

- Nam Tiến là địa phương có truyền thống hiếu học. Đảng ủy, chính quyền và nhân dân địa phương rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục. Phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển mạnh mẽ ở các thôn xóm, dòng họ đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực.
- Công tác xã hội hóa giáo dục của địa phương nói chung và nhà trường nói riêng đã đạt được hiệu quả khá tốt, đặc biệt là trong nội dung tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất trường học và xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài.

1.2. Khó khăn

- Mặc dù rất hiếu học song một bộ phận không nhỏ cha mẹ học sinh chưa có

nhận thức đúng về mục tiêu của giáo dục Tiểu học, chưa quan tâm giáo dục toàn diện, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống mà chỉ chú ý đến điểm số, chú ý đến thành tích của các môn học (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh) của học sinh.

- Người dân địa phương chủ yếu làm nông nghiệp, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Một số phụ huynh học sinh ngoài nông nghiệp còn phải đi làm ăn xa lúc nông nhàn nên việc chăm sóc và kết hợp giáo dục với nhà trường còn có hạn chế.

- Nam Tiến vẫn còn là điểm nóng về tệ nạn ma túy nên có nhiều gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, không quan tâm, không có điều kiện chăm lo đến việc học hành của con.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024-2025.

2.1. Điểm mạnh

2.1.1. Về học sinh

Quy mô phát triển năm học 2024-2025 như sau:

Khôi lớp	Điểm chính				Điểm lẻ				Tổng số				Ghi chú
	Lớp	HS	Nữ	B.Q	Lớp	HS	Nữ	B.Q	Lớp	HS	Nữ	BQ	
Lớp 1	4	119	52	30	2	72	29	36	6	191	81	32	
Lớp 2	4	147	75	37	2	62	35	31	6	209	110	35	
Lớp 3	4	119	54	30	2	53	32	27	6	172	86	29	
Lớp 4	4	121	51	30	2	62	26	31	6	183	77	31	
Lớp 5	4	147	56	37	2	57	28	29	6	204	84	34	
Cộng	20	653	288	33	10	306	150	31	30	959	438	32	

Nhà trường có số lượng học sinh/ lớp đảm bảo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học. 100% học sinh tham gia học 2 buổi/ngày. Học sinh có có phong trào học tập, rèn luyện tốt; bước đầu có thói quen đọc sách; nhiều học sinh có tố chất, các em rất hứng thú, say mê với những hoạt động phát triển tố chất, năng lực cá nhân và các hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, công nghệ.

2.1.2. Đội ngũ

Nhà trường có tổng số 50 cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm: 3 cán bộ quản lý, 43 giáo viên, 4 nhân viên. Trong đó có 3 giáo viên giáo dục thể chất, 4 giáo viên dạy tiếng Anh, giáo viên dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, tin học mỗi môn có 2. Tỷ lệ giáo viên trên lớp là 1,43 (44 giáo viên/30 lớp), cơ cấu giáo viên tương đối hợp lý, nhiều giáo viên trẻ, 100% giáo viên của trường có trình độ cao đẳng trở lên trở lên, trong đó trình độ đại học là 40/43 chiếm 93%. Có 2 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp tỉnh, 14 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp huyện. Nhìn chung, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề;

luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau, gắn bó với trường, lớp. Đây là điều kiện thuận lợi lớn nhất của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

Lãnh đạo nhà trường là những người tâm huyết, dám nghĩ, dám làm, tích cực học hỏi, luôn đi đầu trong việc đổi mới, sáng tạo và luôn khuyến khích, trân trọng sáng tạo của giáo viên, tạo lập được bầu không khí làm việc thân thiện, tích cực trong đơn vị.

2.1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Tuy có 2 điểm trường song cả 2 điểm trường của nhà trường đều nằm trên trục đường tỉnh lộ, rất thuận tiện cho học sinh. Tỷ lệ phòng học/ lớp của nhà trường là 1, các phòng học bộ môn gồm: 3 phòng tiếng Anh, 2 phòng tin học, 2 phòng âm nhạc, 2 phòng mỹ thuật, 1 phòng khoa học, công nghệ. Mỗi điểm trường của nhà trường đều có nhà đa năng, khu thể thao, thư viện và thư viện xanh, ... Là trường đã đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt Chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn nên các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được những yêu cầu mới của công tác giáo dục.

2.1.4. Các điều kiện khác

- Trường Tiểu học Nam Tiến được UBND huyện Nam Trực xác định là một trong 6 trường trọng điểm của huyện nên luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, sự ủng hộ kịp thời về cơ chế, chính sách và con người.

- Là trường có chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu khá tốt. Nhiều năm liền, nhà trường có học sinh tham gia và đạt giải trong các cuộc thi, hội thi, giao lưu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp quốc gia như: thi điền kinh, bóng đá, bóng bàn, cờ vua, aerobic, robotic, liên hoan phát triển năng lực học sinh, hùng biện tiếng Anh, IOE, Toefl Primary, giới thiệu sách, Violympic, toán tuổi thơ, giải toán qua thư, viết chữ đúng và đẹp,.... Nhà trường rất tích cực nghiên cứu áp dụng nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức, mô hình dạy học tiên tiến, hiện đại, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh học sinh.

- Trong những năm gần đây, nhà trường đã đưa vào kế hoạch giáo dục của mình các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tiếp cận CTGDPT 2018 như: dạy kỹ năng sống, giáo dục STEM, dạy tiếng Anh cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5, tổ chức tiết đọc thư viện theo mô hình của Room to read, tổ chức các hoạt động câu lạc bộ, dạy mỹ thuật theo phương pháp của Đan Mạch, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ... và đã thu được nhiều kết quả khả quan. Đây là điều kiện rất thuận lợi để nhà trường thực hiện triển khai thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.2. Điểm yếu

2.2.1. Về học sinh

Xuất hiện một bộ phận không nhỏ học sinh có triệu chứng rối loạn về tâm lý,

hành vi, nhận thức (trầm cảm, tự kỉ, tăng động,) mà giáo viên chưa được tập huấn về phương pháp dạy đối tượng học sinh này, phụ huynh chưa có hiểu biết nhiều để phối hợp giáo dục trẻ, phó mặc cho nhà trường.

Có 7 học sinh hộ nghèo, 26 học sinh hộ cận nghèo, 1 học sinh dân tộc; 5 học sinh khuyết tật; 12 học sinh thuộc diện có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2.2.2. Về đội ngũ

Vẫn còn 3 giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo so với quy định mới tại Điều lệ trường Tiểu học năm 2020, họ vừa phải dạy, vừa phải học nâng cao trình độ.

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ quản lý, giáo viên và việc ứng dụng công nghệ, tin học của một vài giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường còn nhiều người ở xa (trên 20 km), giáo viên trẻ đang độ tuổi sinh nở nên nghỉ thai sản nhiều.

2.2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Trường được xây dựng chấp vá qua nhiều thời kỳ, có nhiều hạng mục phải sửa chữa thường xuyên song kinh phí rất lại hạn chế.

- Trang thiết bị dạy học hiện đại chưa có nhiều, chưa có đủ trang thiết bị tối thiểu theo quy định khi triển khai CTGDPT 2018.

- Chưa có bếp ăn bán trú, phòng ăn, nghỉ ngơi của học sinh chưa đảm bảo yêu cầu.

2.2.4. Các điều kiện khác

- Là đơn vị sự nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, mỗi năm nhà trường được cấp 35 triệu đồng để tu bổ cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học phục vụ cho triển khai CTGDPT 2018.

- Hệ thống các văn bản chỉ đạo có sự chồng chéo, mâu thuẫn, không tạo được hành lang pháp lý giúp các nhà trường có sáng tạo trong triển khai Kế hoạch giáo dục.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

1. Mục tiêu chung

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực. Học sinh làm chủ được kiến thức của từng lớp học, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống; xây dựng được những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt, đặc biệt chú trọng xây dựng thói quen đọc sách. Mỗi học sinh trở thành cá nhân có tư duy độc lập, có năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, có khả năng sáng tạo, luôn có khát vọng vươn lên.

Tiếp tục khẳng định nhà trường là địa chỉ tin cậy của gia đình và xã hội, học sinh thích học, thích đi học, mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Tập trung xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, tiên tiến, hiện đại; có đủ các điều kiện và thực hiện thành công CTGDPT 2018.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các phẩm chất

Lớp	Xếp loại	Các phẩm chất									
		Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1 (191)	T	140	73,3	140	73,3	120	62,9	140	73,3	120	62,8
	Đ	51	26,7	41	26,7	69	36,1	51	26,7	70	36,7
	CCG	0	0	0	0	2	1,0	0	0	1	0,5
2 (209)	T	140	67,0	140	67,0	120	57,4	140	67,0	120	57,4
	Đ	69	33,0	69	33,0	88	42,1	69	33,0	88	42,1
	CCG	0	0	0	0	1	0,5	0	0	1	0,5
3 (172)	T	150	87,2	150	87,2	130	75,6	150	87,2	130	75,6
	Đ	22	12,8	22	12,8	42	24,4	22	12,8	42	24,4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4 (183)	T	160	87,4	160	87,4	140	76,5	160	87,4	140	76,5
	Đ	23	12,6	23	12,6	43	23,5	23	12,6	43	23,5
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5 (204)	T	160	78,4	160	78,4	140	68,6	160	78,4	140	68,6
	Đ	44	21,6	44	21,6	64	31,4	44	21,6	64	31,4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	T	750	78,2	750	78,2	650	67,8	750	78,2	650	67,8
	Đ	209	21,8	209	21,8	306	31,9	209	21,8	307	32,0
	CCG	0	0	0	0	3	0,3	0	0	5	0,2

2.2. Các năng lực

Lớp	Xếp loại	Các năng lực										
		TH, TC	GT & HT	GQVĐ & ST	Ngôn ngữ	Tính toán	Khoa học	Công nghệ	Tin học	Thẩm mỹ	Thể chất	
1 (191)	T	SL	100	120	100	130	140	100	100	100	100	140
		TL	52,4	62,9	52,4	68,1	73,3	52,4	52,4	52,4	52,4	73,3
	Đ	SL	90	69	89	59	50	89	89	89	89	50
		TL	47,1	36,1	46,6	30,9	26,2	46,6	46,6	46,6	46,6	26,2
	CCG	SL	1	2	2	2	1	2	2	2	2	1
		TL	0,5	1	1	1	0,5	1	1	1	1	0,5
2 (209)	T	SL	100	120	100	130	140	100	100	100	100	140
		TL	47,8	57,4	47,8	62,2	67,0	47,8	47,8	47,8	47,8	67,0
	Đ	SL	108	88	108	79	69	109	109	109	109	69
		TL	51,7	42,1	51,7	37,8	33,0	52,2	52,2	52,2	52,2	33,0
	CCG	SL	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0
		TL	0,5	0,5	0,5	0	0	0	0	0	0	0
3 (172)	T	SL	140	140	120	140	150	130	130	130	140	150
		TL	81,4	81,4	69,8	81,4	87,2	75,6	75,6	75,6	81,4	87,2
	Đ	SL	31	32	51	32	22	42	42	42	32	22
		TL	18,0	18,6	29,7	18,6	12,8	24,4	24,4	24,4	18,6	12,8
	CCG	SL	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
		TL	0,6	0	0,6	0	0	0	0	0	0	0
4 (183)	T	SL	150	150	130	150	160	140	140	140	150	160
		TL	82,0	82,0	71,0	82,0	87,4	76,5	76,5	76,5	82,0	87,4
	Đ	SL	32	33	52	33	23	43	43	43	33	23
		TL	17,5	18,0	28,5	18,0	12,6	23,5	23,5	23,5	18,0	12,6

	CCG	SL	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
		TL	0,5	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	
5 (204)	T	SL	150	150	130	150	160	140	140	140	140	150	160
		TL	73,5	73,5	63,7	73,5	78,4	68,6	68,6	68,6	68,6	73,5	78,4
	Đ	SL	53	54	73	54	44	64	64	64	64	54	44
		TL	26,0	26,5	35,8	26,5	21,6	31,4	31,4	31,4	31,4	26,5	21,6
	CCG	SL	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
		TL	0,5	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	T	SL	640	680	580	700	750	610	610	610	610	640	750
		TL	66,7	70,9	60,5	73,0	78,2	63,6	63,6	63,6	63,6	66,7	78,2
	Đ	SL	314	276	373	257	208	347	347	347	347	317	208
		TL	32,8	28,8	38,9	26,8	21,7	36,2	36,2	36,2	36,2	33,1	21,7
	CCG	SL	5	3	6	2	1	2	2	2	2	2	1
		TL	0,5	0,3	0,6	0,2	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,1

2.3. Các môn học, hoạt động giáo dục

Môn học	XL	Khối 1(191)		Khối 2(209)		Khối 3(172)		Khối 4(183)		Khối 5(204)		Toàn trường		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Tiếng Việt (959)	T	100	52,4	100	47,8	120	69,8	100	54,6	120	58,8	540	56,3	
	H	89	46,6	109	52,2	52	30,2	83	45,4	84	41,2	417	43,5	
	C	2	1,0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0,2	
Toán (959)	T	100	52,4	100	47,8	140	81,4	120	65,6	130	63,7	590	61,5	
	H	90	47,1	109	52,2	32	18,6	63	34,4	74	36,3	368	38,4	
	C	1	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0,1	
Đạo đức (959)	T	100	52,4	120	57,4	150	87,2	120	65,6	130	63,7	620	64,7	
	H	91	47,6	89	42,6	22	12,8	63	34,4	74	36,3	339	35,3	
	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
TN&XH (572)	T	100	52,4	100	47,8	140	81,4					340	59,4	
	H	89	46,6	109	52,2	32	18,6					230	40,3	
	C	2	1,0	0	0	0	0					2	0,3	
Khoa học (387)	T							120	65,6	130	63,7	250	64,6	
	H							63	34,4	74	36,3	137	35,4	
	C							0	0	0	0	0	0	
LS và ĐL (387)	T							120	65,6	130	63,7	250	64,6	
	H							63	34,4	74	36,3	137	35,4	
	C							0	0	0	0	0	0	
Mĩ thuật (959)	T	120	62,8	120	57,4	140	81,4	120	65,6	130	63,7	630	65,7	
	H	71	37,2	89	42,6	32	18,6	63	34,4	74	36,3	329	34,3	
	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Âm nhạc (959)	T	110	57,6	100	47,8	140	81,4	120	65,6	130	63,7	600	62,6	
	H	81	42,4	109	52,2	32	18,6	63	34,4	74	36,3	357	37,2	
	C	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0,2	
GDTC (959)	T	100	52,3	120	57,4	140	81,4	120	65,6	130	63,7	610	63,6	
	H	91	47,6	89	42,6	32	18,6	63	34,4	74	36,3	349	36,4	
	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
HĐTN (959)	T	110	57,6	100	47,8	140	81,4	120	65,6	130	63,7	600	62,6	
	H	81	42,4	109	52,2	32	18,6	63	34,4	74	36,3	357	37,2	
	C	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0,2	
Tin học (559)	T						140	81,4	120	65,6	130	63,7	390	69,8
	H						32	18,6	63	34,4	74	36,3	169	30,2

	C					0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ (559)	T					140	81,4	120	65,6	130	63,7	390	69,8
	H					32	18,6	63	34,4	74	36,3	169	30,2
	C					0	0	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh (959)	T	100	52,4	100	47,8	120	69,8	120	65,6	130	63,7	570	59,4
	H	89	46,6	108	51,7	52	30,2	63	34,4	74	36,3	386	40,3
	C	2	1	1	0,5	0	0	0	0	0	0	3	0,3

2.4. Các hoạt động giáo dục theo nhu cầu, năng lực.

2.4.1. Công tác bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu ở các lĩnh vực: văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học, kỹ thuật... thông qua hình thức câu lạc bộ, tự học với sự hướng dẫn của giáo viên. Tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của nhà trường là toán, tiếng Anh, điền kinh, bóng đá, robotics để nâng cao thành tích ở các cấp.

- Tổ chức, tạo cơ hội để học sinh được tham gia vào tất cả các cuộc thi, liên hoan, giao lưu phát triển năng khiếu, năng lực do cấp trên tổ chức như: giao lưu toán tuổi thơ, olympic tiếng Anh, hùng biện tiếng Anh, toefl primary, thi điền kinh (chạy, bật xa, ném bóng), bóng đá, bóng rổ, lập trình robot, viết chữ đúng và đẹp, Phần đầu có từ ít nhất 50 giải cấp huyện, 5 giải cấp tỉnh, 3 giải cấp quốc gia.

- Có khoảng 70% học sinh trở lên tham gia hoạt động giáo dục theo nhu cầu.

2.4.2. Công tác giúp đỡ học sinh khó khăn, học sinh khuyết tật

Tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học tập bình đẳng và hòa nhập cộng đồng. Tăng cường dạy học phân hóa kết hợp với phụ đạo thêm cho học sinh có khó khăn về nhận thức, khó khăn về hoàn cảnh gia đình, học sinh khuyết tật vào giờ tự học. Đảm bảo 100% học sinh khó khăn, học sinh khuyết tật được giúp đỡ riêng, phụ đạo thêm giờ để học sinh hoàn thành các nội dung học tập, rèn luyện và đảm bảo đạt các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, 100% có sự tiến bộ so với bản thân.

2.4. Các hoạt động giáo dục khác

2.4.1. Hoạt động GDTT, thăm quan, dã ngoại.

Ngoài đảm bảo đủ 105 tiết hoạt động trải nghiệm bắt buộc theo quy định, tổ chức cho học sinh các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ chính khóa theo chủ đề từng tháng với thời lượng 6 buổi/năm (mục 2.1) để giúp học sinh tăng cường ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế.

Tổ chức cho học sinh khối 3,4,5 được tham quan trải nghiệm ít nhất 1 lần/năm học tại các điểm di tích lịch sử, văn hóa hoặc các khu trải nghiệm giáo dục trong tỉnh và Hà Nội.

Phần đầu có 90% học sinh tham gia vào các hoạt động chủ điểm và tham quan, dã ngoại.

2.4.2. Hoạt động đọc sách

Ngoài 1 tiết/ tuần đọc sách được bố trí trong thời khóa biểu, bố trí thêm cho học sinh đọc sách tại trường sau giờ học chính khóa. Phần đầu 100% học sinh tham gia hoạt động đọc sách tại trường do giáo viên tổ chức, có ít nhất 30% học sinh có thói quen đọc sách hàng ngày.

2.4.3. Hoạt động tự học

Tổ chức cho học sinh tự học có sự giúp đỡ và giám sát của giáo viên. Phần đầu có trên 90% trở lên học sinh biết cách tự học và có thói quen tự giác giải quyết các nhiệm vụ học tập được giao.

2.4.4. Hoạt động câu lạc bộ

Tổ chức 10 câu lạc bộ với khoảng 500 – 600 học sinh cho những học sinh có sở thích, có năng khiếu, năng lực, sở thích, nhu cầu.

2.4.5. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống

Tổ chức dạy kỹ năng sống với thời lượng 3 tiết /tuần. Phần đầu có 80% học sinh trở lên tham gia.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025.

1. Phân phối thời lượng các môn học và các hoạt động giáo dục.

TT	Môn học	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
Môn học /Hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	Tự nhiên và Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Lịch sử và Địa lý										70	36	34	70	36	34
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34
7	Giáo dục thể chất/ Thể dục	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
8	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
11	Tin học và Công nghệ							70	36	34	70	36	34	70	36	34
12	Hoạt động trải nghiệm/HĐGD	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
Môn học tự chọn																
13	Tiếng Anh	70	36	34	70	36	34									
Hoạt động củng cố, tăng cường																
14	Củng cố các môn học	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
15	Tự học	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
16	Đọc sách thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
17	Giáo dục tin học	35	18	17	35	18	17									
Tổng số tiết		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544
Số tiết/tuần (cả năm)		32			32			32			32			32		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và hoạt động theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9/2024	Mái trường mến yêu	Làm quen, tìm hiểu về trường, lớp, bạn bè, thầy cô giáo. Vệ sinh và trang trí lớp học.	Trải nghiệm theo lớp	Sáng tư ngày 04/9	GVCN	BGH, GV chuyên, nhân viên và CMHS
10/2024	An toàn trường học	Tìm hiểu và nắm được các cách đảm bảo AT khi: tham gia giao thông, sử dụng điện, an toàn khi vui chơi, ăn uống hợp VS và phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục	Tổ chức sinh hoạt chuyên đề toàn trường	Sáng thứ bảy ngày 19/10	TPT Đội	Công an xã, nhân viên y tế, Chi đoàn TNCS HCM, BCH Công Đoàn
11/2024	Nhớ ơn thầy cô	Biểu diễn văn nghệ, triển lãm sản phẩm viết, vẽ	Tổ chức quy mô toàn trường.	Sáng thứ hai 18/11	TPT Đội	BCH Chi Đoàn, BCH Công đoàn, CMHS; Ban xây dựng VHĐ, GV MT và GVÂN
01/2025	Ngày tết quê em	Thực hành một số hoạt động của ngày tết Nguyên Đán như: vệ sinh nhà cửa, gói bánh chưng, bày mâm ngũ quả, cắm hoa, nấu các món truyền thống,...	Tổ chức theo điểm trường	Sáng thứ sáu 24/1	BGH	Toàn bộ GV, NV và CMHS
3/2025	Mừng Ngày Quốc tế phụ nữ	Sinh hoạt chuyên đề về bình đẳng giới	Quy mô điểm trường	Sáng thứ bảy ngày 8/3	BCH Công Đoàn	GVCN, TPT Đội, Chi Đoàn.
4/2025	Hưởng ứng Ngày	Tổ chức hoạt động trưng bày, giới thiệu sách,	Quy mô trường	Sáng thứ bảy, ngày 19/4	Ban xây dựng VHĐ	Toàn bộ CB, GV, VN và CMHS

	sách VN	sân khấu hóa tác phẩm				
5/2025	Bác Hồ kính yêu	Tham quan, dã ngoại tại Bảo tàng Nam Định, khu di tích Đền Trần	Theo đơn vị lớp	Từ ngày 12/5 đến 19/5	BGH	Toàn bộ CB, GV, NV và CMHS các lớp

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học.

Chương trình ngoài giờ chính khóa được tổ chức phân hóa theo nhu cầu, sở thích, năng lực của từng học sinh và tổ chức các hoạt động HĐTN giúp thực hiện mục tiêu GD của trường. Nội dung và hình thức hoạt động ngoài giờ chính khóa gồm:

2.2.1. Tổ chức các câu lạc bộ:

Nhà trường dự kiến tổ chức các CLB sau đây:

- + Tiếng Anh: 200 học sinh (8 nhóm, mỗi nhóm từ 20-30 HS chia 2 khu)
- + Cờ vua: 50 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 30HS; khu B: 20HS)
- + Bóng đá: 60 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 30 HS; khu B: 30 HS)
- + Bóng bàn: 30 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 20 HS; khu B: 10 HS)
- + Robotics: 50 học sinh (chia 2 nhóm; Khu A: 30; KB: 20 học sinh)
- + Văn nghệ: 70 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 40 HS; khu B: 30 HS)
- + Mĩ thuật: 60 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 30 HS; khu B: 30 HS)

Câu lạc bộ được tổ chức cho những học sinh có năng khiếu, sở thích và nguyện vọng tham gia. Câu lạc bộ sinh hoạt 4 tiết/ tuần, thời gian từ 16h00 -17h10 (mùa hè), 15h45 – 16h55 (mùa đông) vào thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần.

2.2. Đọc sách

Mục đích rèn thói quen và kỹ năng đọc sách cho học sinh. Tổ chức cho những học sinh không tham gia các hoạt động khác trong khoảng thời gian từ thời gian từ 16h00 - 17h10 (mùa hè), 15h45 – 16h55 (mùa đông) các ngày trong tuần (trừ thứ năm). Hoạt động đọc sách cuối giờ học được tổ chức theo quy mô lớp học.

2.3. Tự học.

Mục đích rèn thói quen và kỹ năng tự học cho học sinh. Tổ chức cho những học sinh không tham gia các hoạt động khác trong khoảng thời gian từ thời gian từ 16h00 -17h10 (mùa hè), 15h45 – 16h55 (mùa đông) các ngày trong tuần (trừ thứ năm). Hoạt động tự học cuối giờ học được tổ chức theo quy mô lớp học.

2.4. Dạy kỹ năng sống

Giúp cho người học hình thành và phát triển những thói quen, hành vi, thái độ tích cực, lành mạnh trong việc ứng xử các tình huống của cuộc sống cá nhân và tham gia đời sống xã hội, qua đó hoàn thiện nhân cách và định hướng phát triển bản thân tốt hơn dựa trên nền tảng các giá trị sống. Có 2 hình thức:

- Hình thức hợp tác với Poki, sử dụng phần mềm và nội dung dạy kỹ năng sống

của Poki, thực hiện vào sáng thứ bảy hàng tuần.

- Hình thức tự tổ chức, sử dụng tài liệu và bài giảng điện tử của Bộ GDĐT, thực hiện vào thời gian từ 16h00 đến 17h10 thứ năm hàng tuần.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Hai điểm trường của nhà trường có các điều kiện như nhau nên việc triển khai Kế hoạch giáo dục không có sự khác biệt.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024 – 2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Nam Định. Căn cứ vào các quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn của Phòng GDĐT huyện Nam Trực; căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học; tại trường Tiểu học Nam Tiến thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 cụ thể như sau:

TT	Công việc	Thời gian	Ghi chú
1	Ngày tựu trường	29/8/2024	Lớp 1 ngày 22/8
2	Ngày khai giảng	05/09/2024	
3	Ngày bắt đầu chương trình tuần 1	06/09/2024	
4	Ngày kết thúc học kỳ I	12/01/2024	
5	Ngày bắt đầu học kỳ II	13/01/2024	
6	Ngày kết thúc học kỳ II	17/05/2024	
7	Ngày kết thúc năm học	25/05/2024	

TUẦN 1									
Thời gian		2/9	3/9	4/9	5/9	6/9	7/9	8/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1				Khai giảng	LL			TKB thứ 3
	2					LL			
	3					LL			
	4					LL			
Chiều	5				SHCM	LL			
	6					LL			
	7					LL			
TS tiết/tuần		7							

TUẦN 2									
Thời gian		9/9	10/9	11/9	12/9	13/9	14/9	15/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			

	6	LL	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		35								
TUẦN 3										
Thời gian		16/9	17/9	18/9	19/9	20/9	21/9	22/9	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	Tết Trung thu	LL	LL	LL				
	2	LL		LL	LL					
	3	LL		LL	LL					
	4	LL		LL	LL					
Chiều	5	SHCM	Tết Trung thu	LL	LL	LL				
	6			LL	LL	LL				
	7			LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		25								

TUẦN 4										
Thời gian		23/9	24/9	25/9	26/9	27/9	28/9	29/9	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	HNVC	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 5										
Thời gian		30/9	1/10	2/10	3/10	4/10	5/10	6/10	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 6									
Thời gian		7/10	8/10	9/10	10/10	11/10	12/10	13/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			

	7	LL	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		35								

TUẦN 7										
Thời gian		14/10	15/10	16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	SHL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	SHTT				
	6	LL	LL		LL					
	7	LL	LL		LL					
TS tiết/tuần		29								

TUẦN 8										
Thời gian		21/10	22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	Hop GKI	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 9										
Thời gian		28/10	29/10	30/10	31/10	1/11	2/11	3/11	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 10									
Thời gian		4/11	5/11	6/11	7/11	8/11	9/11	10/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			

	6	LL	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		35								

TUẦN 11										
Thời gian		11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 12										
Thời gian		18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	SHTT	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL		LL	LL				
	3	LL	LL		LL	LL				
	4	LL	LL		LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	SHL					
TS tiết/tuần		28								

TUẦN 13										
Thời gian		25/11	26/11	27/11	28/11	29/12	30/12	1/12	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 14									
Thời gian		2/12	3/12	4/12	5/12	6/12	7/12	8/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			

Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		35								
TUẦN 15										
Thời gian		9/12	10/12	11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 16										
Thời gian		16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	SK HKI	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL		LL	LL				
	3	LL	LL		LL	LL				
	4	LL	LL		LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 17										
Thời gian		23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 18									
Thời gian		30/12	31/12	1/1	2/1	3/1	4/1	5/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	Nghỉ Tết đương lịch	LL	LL	KNS		
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL		LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL			

Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		28								
TUẦN 19										
Thời gian		6/1	7/1	8/1	9/1	10/1	11/1	12/1	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

HỌC KỲ II

TUẦN 20										
Thời gian		13/1	14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	GDTT			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		35								

TUẦN 21										
Thời gian		20/1	21/1	22/1	23/1	24/1	25/1	26/1	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 22									
Thời gian		3/2	4/2	5/2	6/2	7/2	8/2	9/2	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KNS		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			

Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		35								
TUẦN 23										
Thời gian		10/2	11/2	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 24										
Thời gian		17/2	18/2	19/2	20/2	21/2	22/2	23/2	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	Họp GK2	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 25										
Thời gian		24/2	25/2	26/2	27/2	28/2	1/3	2/3	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 26									
Thời gian		3/3	4/3	5/3	6/3	7/3	8/3	9/3	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			

Chiều	5	LL	LL	LL	LL	GDTT			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 27									
Thời gian		10/3	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 28									
Thời gian		17/3	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 29									
Thời gian		24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 30									
Thời gian		31/3	1/4	2/4	3/4	4/4	5/4	6/4	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			

	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		35								
TUẦN 31										
Thời gian		7/4	8/4	9/4	10/4	11/4	12/4	13/4	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	Giỗ Tô Hùng Vương	LL	LL	LL	LL				
	2		LL	LL	LL	LL				
	3		LL	LL	LL	LL				
	4		LL	LL	LL	LL				
Chiều	5		LL		LL	LL				
	6		LL	SHCM	LL	LL				
	7		LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		25								

TUẦN 32										
Thời gian		14/4	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4	20/4	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	Ngày hội đọc sách			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		35								

TUẦN 33										
Thời gian		21/4	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4	27/4	Điều chỉnh kế hoạch	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			Học bù TKB thứ 6 ngày 2/5 vào thứ bảy.	
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL	SHCM	LL	LL				
	7	LL	LL		LL	SHL				
TS tiết/tuần		32								

TUẦN 34									
Thời gian		28/4	29/4	30/4	1/5	2/5	3/5	4/5	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	Nghỉ lễ Thống	Nghỉ Quốc tế lao	LL			Thứ 6 nghỉ
	2	LL	LL			LL			
	3	LL	LL			LL			

	4	LL	LL	nhất	động	LL			
Chiều	5	LL	LL			LL			
	6	LL	LL			LL			
	7	LL	LL			SHL			
TS tiết/tuần		21							

TUẦN 35									
Thời gian		5/5	6/5	7/5	8/5	9/5	10/5	11/5	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 36									
Thời gian		12/5	13/5	14/5	15/5	16/5	17/5	18/5	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã tu sửa, bổ sung các điều kiện cơ sở vật chất để đảm bảo phục vụ tốt cho việc dạy và học.
- Tiết kiệm chi ngân sách, kêu gọi tài trợ để mua sắm bổ sung đồ dùng, trang thiết bị dạy học cho các phòng học, phòng học bộ môn, ưu tiên cho các lớp 5.
- Phát động và tổ chức cho giáo viên tự làm đồ dùng dạy học.
- Tăng cường các thiết bị dạy học hiện đại để triển khai ứng dụng CNTT trong dạy học.

2. Chủ động kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển hàng năm, tham mưu với Phòng GDĐT để có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên theo quy định.
- Cử giáo viên đi học nâng cao trình độ đào tạo theo lộ trình đã xây dựng.
- Phát huy nội lực, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ tại chỗ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Tăng cường bồi dưỡng giáo viên ứng dụng CNTT vào dạy học.

3. Chú trọng tổ chức và nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc tập huấn, sinh hoạt chuyên môn theo quy định.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra nội bộ.
- Động viên, khuyến khích giáo viên, nhân viên tham gia tích cực vào các hội thảo chuyên môn, các cuộc thi, giao lưu về chuyên môn để học hỏi.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, thống nhất sách giáo khoa, tài liệu chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

+ Khối 1

Stt	Tên sách/ tài liệu	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái	ĐHSP
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy	ĐHSP
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn	ĐHSP
5	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang	ĐHSP
6	Âm nhạc 1	Hoàng Long	GDVN
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường	GDVN
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP
9	Tiếng Anh 1 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung	ĐHSP
10	Em học lập trình với Kodu 1	Đào Thái Lai	GDVN
11	Giáo dục An toàn trường học 1	Phạm Việt Cường	GDVN

12	Giáo dục an toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GDĐT
13	Giáo dục địa phương 1	TL biên soạn của Tỉnh	

+ Khối lớp 2

Stt	Tên sách	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 2	Lê Anh Vinh	GDVN
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
6	Âm nhạc 2	Hoàng Long	GDVN
7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên	GDVN
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy	GDVN
9	Tiếng Anh 2 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung	ĐHSP
10	Em học lập trình với Kodu 2	Đào Thái Lai	GDVN
11	Giáo dục An toàn trường học 2	Phạm Việt Cường	GDVN
12	Giáo dục an toàn giao thông 2	TL điện tử	Bộ GDĐT
13	Giáo dục địa phương 2	TL biên soạn của Tỉnh	

+ Khối lớp 3

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 3	Hà Huy Khoái	GDVN
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
6	Âm nhạc 3	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
7	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy	GDVN
9	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
10	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng	GDVN
11	Tin học 3	Nguyễn Chí Công	GDVN
12	Giáo dục An toàn trường học 3	Phạm Việt Cường	GDVN
13	Giáo dục an toàn giao thông 3	TL điện tử	Bộ GDĐT
14	Giáo dục địa phương 3	TL biên soạn của Tỉnh	

+ Khối lớp 4

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 4	Hà Huy Khoái	GDVN

3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Lịch sử và Địa lý	Vũ Minh Giang	GDVN
6	Giáo dục thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
7	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
8	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy	GDVN
10	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
11	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng	GDVN
12	Tin học 4	Nguyễn Chí Công	GDVN
13	GD An toàn trường học 4	Phạm Việt Cường	GDVN
14	GD An toàn giao thông 4	TL điện tử	Bộ GDĐT
15	Giáo dục địa phương 4	Tỉnh biên soạn	

+ Khối 5

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 5	Hà Huy Khoái	GDVN
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Lịch sử và Địa lý 5	Vũ Minh Giang	GDVN
6	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
7	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
8	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy	GDVN
10	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
11	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng	GDVN
12	Tin học 5	Nguyễn Chí Công	GDVN
13	GD An toàn trường học 5	Phạm Việt Cường	GDVN
14	GD An toàn giao thông 5	TL điện tử	Bộ GDĐT
15	Giáo dục địa phương 5	Tỉnh biên soạn	

- Xây dựng thời gian biểu khoa học, hợp lý

Mùa hè

Thời gian			Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	7h00 – 7h10	10 phút	Thẻ dục buổi sáng	
	7h15 - 7h50	35 phút	Tiết 1	
	7h55 - 8h30	35 phút	Tiết 2	

	8h30 - 8h50	20 phút	Ra chơi	
	8h55 - 9h30	35 phút	Tiết 3	
	9h35 - 10h10	35 phút	Tiết 4	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	13h45 - 13h50	5 phút	Ôn định lớp	
	13h50 - 14h25	35 phút	Tiết 5	
	14h30 - 15h05	35 phút	Tiết 6	
	15h05 - 15h20	15 phút	Ra chơi	
	15h25 - 16h00	35 phút	Tiết 7	
	16h00 - 17h10	70 phút	Tự học, đọc sách hoặc CLB	Tan học buổi chiều

Mùa đông:

	Thời gian		Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	7h30 - 7h35	5 phút	Ôn định tổ chức lớp	
	7h35 - 8h15	35 phút	Tiết 1	
	8h20 - 8h55	35 phút	Tiết 2	
	8h55 - 9h20	25 phút	Thể dục, ra chơi	
	9h25 - 10h00	35 phút	Tiết 3	
	10h05 - 10h40	35 phút	Tiết 4	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	13h30 - 13h35	5 phút	Ôn định lớp	
	13h35 - 14h10	35 phút	Tiết 5	
	14h15 - 14h50	35 phút	Tiết 6	
	14h50 - 15h05	15 phút	Ra chơi	
	15h10 - 15h45	35 phút	Tiết 7	
	15h45 - 16h55	70 phút	Tự học, đọc sách hoặc CLB, KNS	Tan học buổi chiều

4. Coi trọng việc phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể, CMHS trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tuyên truyền tích cực về đổi mới giáo dục nói chung, kế hoạch giáo dục của nhà trường nói riêng để các cộng đồng nhận thức đúng và đồng thuận.

- Làm tốt công tác dân vận để đảm bảo quy mô phát triển hợp lý giữa 2 điểm trường.

- Tạo nhiều cơ hội để các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường cùng tham gia vào việc giáo dục học sinh.

5. Luôn khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và tạo cơ chế hợp lý để cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy sự chủ động, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch giáo dục.

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lý cho từng cán bộ, giáo viên, nhân

viên. Tăng cường phân cấp quản lý, cấp trên không làm thay nhiệm vụ cấp dưới và ngược lại.

- Hướng dẫn chu đáo để giáo viên chủ động xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo tình hình thực tế.

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện nội dung các công việc được giao và chủ động thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giáo viên đọc sách, cơ chế khen thưởng hiệu quả.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Tổ chức việc xây dựng kế hoạch giáo dục, lấy ý kiến thông qua của Hội đồng trường, báo cáo cấp có thẩm quyền, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Phân công nhiệm vụ và tổ chức bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu.

- Tham mưu tích cực với các cấp có thẩm quyền và huy động các nguồn lực để có đủ các điều kiện giúp cho việc thực hiện kế hoạch giáo dục đạt hiệu quả cao. Huy động các lực lượng cộng đồng tham gia vào thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tổ chức xây dựng các chủ đề STEM, tổ chức tập huấn, thao giảng để giáo viên thực hiện tốt các bài học STEM đã xây dựng.

2. Phó hiệu trưởng

- Kết hợp với hiệu trưởng nhà trường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Trên cơ sở kế hoạch giáo dục chung của nhà trường, các phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể cho nhiệm vụ của mình sao cho có sự thống nhất với kế hoạch giáo dục chung của trường.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt:

- + Xây dựng kế hoạch môn học theo CTGDPT 2018 trên cơ sở SGK được chọn.

- + Rà soát nội dung, chương trình, SGK hiện hành để loại bỏ những thông tin cũ, lạc hậu, bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp. Điều chỉnh cấu trúc nội dung dạy học trong chương trình hiện hành và xây dựng kế hoạch dạy học từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh (lớp 5).

- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch môn học/HĐGD của tổ chuyên môn tổ chức và hướng dẫn giáo viên lập thời khóa biểu cụ thể cho từng lớp.

- Thường xuyên giám sát thực hiện kế hoạch giáo dục thông qua dự giờ, kiểm

tra, duyệt kế hoạch bài dạy, Định kỳ rà soát việc thực hiện kế hoạch giáo dục đề xuất hiệu trưởng các biện pháp điều chỉnh, bổ sung.

- Tổ chức hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn để chia sẻ và tháo gỡ kịp thời các vướng mắc của giáo viên.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch môn học, các hoạt động giáo dục đảm bảo yêu cầu trong kế hoạch giáo dục nhà trường. Hướng dẫn tổ viên lập kế hoạch dạy học hàng tuần.

- Phối hợp với phó hiệu trưởng lập thời khóa biểu cho từng lớp.

- Kiểm tra kế hoạch bài dạy của giáo viên hàng tuần. Giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục của mỗi thành viên trong tổ.

- Tổ chức cho tổ sinh hoạt chuyên môn để chia sẻ và tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục.

4. Tổng phụ trách Đội

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục của nhà trường đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tiết sinh hoạt dưới cờ, xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục tập thể được phân công.

- Tham mưu với Đoàn TNCS, Hội đồng Đội của địa phương để huy động các nguồn lực, để phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục của nhà trường đến cha mẹ học sinh và cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch môn học, hoạt động giáo dục theo chỉ đạo của tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục hàng tuần cho lớp mình chủ nhiệm.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bài dạy chất lượng, hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật những sáng kiến, những vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để thảo luận, chia sẻ với đồng nghiệp và đề xuất với cấp có thẩm quyền có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục được phân công theo chỉ đạo của tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bài dạy chất lượng, hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật những sáng kiến, những vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để thảo luận, chia sẻ với đồng nghiệp và đề xuất với cấp có thẩm quyền có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong việc giảng dạy và giáo dục học sinh.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT
- Các PHT, TTCM
- Đăng website
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh